

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HỒ
KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021-2022

Môn:**ĐÀM PHÁN TRONG KINH DOANH**..... Nhóm: **N1**
CÔNG NGUYÊN THI TỈNH

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	ĐQT	ĐT	ĐTK
1	2120120004	Trần Khả	Ái	CCQ2012A	7.8	8	7.9
2	2120200244	Nguyễn Ngọc Tường	Ân	CCQ2020H	7.0	7	7.0
3	2120120210	Nguyễn Thị Mỹ	Ảnh	CCQ2012G	8.2	6	6.9
4	2120110106	Nguyễn Trọng	Bằng	CCQ2020I	7.5	5	6.0
5	2118260203	Võ Gia	Bảo	CCQ1826C	8.7	6.5	7.4
6	2120270002	Kiều Nữ Minh	Chu	CCQ2027A	7.8	7	7.3
7	2120120245	Nguyễn Thị Kim	Cương	CCQ2012H	8.0	8	8.0
8	2120270037	Hà Thúy	Dân	CCQ2027B	7.8	6.5	7.0
9	2120120246	Hồ Đức	Danh	CCQ2012H	6.5		2.6
10	2120120040	Phạm Thị	Đào	CCQ2012B	7.7	7	7.3
11	2120120247	Hồ Thụy Hạ	Du	CCQ2012H	8.0	6	6.8
12	2120120248	Nguyễn Văn	Dũng	CCQ2012H	7.3	8	7.7
13	2119120076	Nguyễn Lê Hoàng	Duy	CCQ1912C	7.8	6.5	7.0
14	2120270038	Phạm Đặng Cẩm	Duyên	CCQ2027B	7.8	7	7.3
15	2120270003	Phan Thị Hồng	Duyên	CCQ2027A	7.8	7	7.3
16	2120120008	Phan Đặng Gia	Hân	CCQ2012A	7.7	8	7.9
17	2120120249	Lê Thúy	Hàng	CCQ2012H	8.0	7	7.4
18	2120120423	Nguyễn Thị	Hàng	CCQ2012M	7.3	8	7.7
19	2120120151	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	CCQ2012E	7.8	8	7.9

20	2119120631	Lê Huy	Hiệu	CCQ1912F	8.7	8.5	8.6
21	2120120010	Dương Thu	Hương	CCQ2012A	7.8	8	7.9
22	2120200248	Đặng Liều Tuấn	Khanh	CCQ2020H	6.3	7.5	7.0
23	2120120574	Phan Hữu	Khôi	CCQ2012N	7.3	7.5	7.4
24	2120120645	Nguyễn Tuấn	Kiệt	CCQ2012E	7.8	7	7.3
25	2120200221	Lê Minh	Lắm	CCQ2020G	7.3	6.5	6.8
26	2120120253	Nguyễn Thị Như	Lan	CCQ2012H	8.0	6	6.8
27	2120120256	Hồng Thị Mỹ	Linh	CCQ2012H	8.7	7	7.7
28	2120120257	Lê Thị Mỹ	Linh	CCQ2012H	7.3	8	7.7
29	2120120664	Lê Văn	Lực	CCQ2012H	7.3	7	7.1
30	2120200255	Phan Thị	Lương	CCQ2020H	8.7	6.5	7.4
31	2120120220	Phạm Thị Út	Ly	CCQ2012G	8.0	7.5	7.7
32	2120120665	Lê Văn	Minh	CCQ2012H	7.3	7	7.1
33	2120270015	Đỗ Thị Trà	My	CCQ2027A	7.8	7.5	7.6
34	2120120259	Phạm Thị Mỹ	Na	CCQ2012H	8.3	6.5	7.2
35	2120200353	Nguyễn Thị Quỳnh	Nghi	CCQ2020J	7.8	8	7.9
36	2120270053	Trần Hữu	Nghĩa	CCQ2027B	7.8	6.5	7.0
37	2120270054	Dương Thị Thúy	Ngọc	CCQ2027B	7.8	6.5	7.0
38	2120200309	Đặng Thị Hồng	Nguyên	CCQ2020I	7.8	7.5	7.6
39	2120200261	Nguyễn Khôi	Nguyên	CCQ2020H	6.3		2.5
40	2120120222	Mai Kim	Nhân	CCQ2012G	6.7	5	5.7
41	2120120128	Đặng Thị Yến	Nhi	CCQ2012D	7.8	7	7.3
42	2120120224	Hồ Thị Yến	Nhi	CCQ2012G	7.7	7	7.3
43	2120120225	Châu Ngọc Quỳnh	Như	CCQ2012G	8.0	7	7.4
44	2120120262	Lâm Khả	Như	CCQ2012H	8.0	7	7.4

45		Nguyễn Đỗ Hồng	Nhung	CCQ2027D	8.3	6.5	7.2
46	2120120264	Huỳnh Tuyết	Oanh	CCQ2012H	7.7	7.5	7.6
47	2120270019	Nguyễn Thị Gia	Phú	CCQ2027A	7.8	7.5	7.6
48	2120100056	Nguyễn Thị Hoài	Phươn g	CCQ2027G	7.8	6.5	7.0
49	2120120136	Trần Minh	Quân	CCQ2012D	7.2	7	7.1
50	2120120266	Trần Thị Lệ	Quyên	CCQ2012H	7.5	7	7.2
51	2120100160	Phan Thị Xuân	Quỳnh	CCQ2012G	7.8	7	7.3
52	2120120267	Nguyễn Thị Hồng	Son	CCQ2012H	8.0	7	7.4
53	2120120090	Lê Thị Tuyết	Sương	CCQ2012C	7.8	7	7.3
54	2120120268	Trần Thị Thu	Sương	CCQ2012H	8.2	8	8.1
55	2120270024	Huỳnh Thị Minh	Tâm	CCQ2027A	8.0	7.5	7.7
56	2120120232	Đỗ Thu	Thảo	CCQ2012G	7.7	7	7.3
57	2120120726	Trần Thị Thu	Thảo	CCQ2012R	7.0	7.5	7.3
58	2120120271	Nguyễn Thị	Thiết	CCQ2012H	8.0	8	8.0
59	2120120235	Hoàng Anh	Thư	CCQ2012G	8.0	7.5	7.7
60	2120120236	Quản Ngọc Anh	Thư	CCQ2012G	7.7	8	7.9
61	2120120444	Nguyễn Thị Thu	Thúy	CCQ2012M	7.7	7.5	7.6
62	2120270064	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CCQ2027B	7.8	6	6.7
63	2120120067	Huỳnh Thị Huyền	Trân	CCQ2012B	7.8	7	7.3
64	2120260067	Nguyễn Thị Kim	Trang	CCQ2026B	7.7	6	6.7
65	2120120661	Nguyễn Thị Thu	Trang	CCQ2012G	8.0	6	6.8
66	2120120239	Nguyễn Đức Minh	Triều	CCQ2012G	8.0	8	8.0
67	2120120450	Lê Thị	Trình	CCQ2012M	8.0	7	7.4
68	2120120242	Ngô Hoàng Tú	Uyên	CCQ2012G	8.2	7	7.5
69	2120120625	Lương Ánh	Vân	CCQ2012R	7.8	7	7.3

